TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** **----*----**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **-------*-------**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2017
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
- Các hội thẩm nhân dân*:* 1. Ông Huỳnh Thanh Trà
2. Bà Phan Thị Thanh Thuyền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Nhã Minh Hoàng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20.7.2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thục N, sinh năm: 1992 (có mặt)
Địa chỉ: K123/5 đường K, phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1985 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: K140/6 đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thục N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thục N và ông Nguyễn Tuấn A kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường K, phường C, quận H, thành phố Đà Nẵng là nhà của cha mẹ bà N.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bà N đó làm đơn ly hôn và nộp tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu nhưng sau đó bà N đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy Nên từ đó đến nay mâu thuẫn giữa vợ

chồng vẫn không khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông A không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình một mình bà N gánh vác. Ông A còn cá độ bóng đá gây ra nợ nần, Nếu lần bà N đứng ra trả nhưng ông A vẫn không khắc phục được. Do mâu thuẫn nên đến tháng 6 năm 2016 ông A chuyển về sống tại nhà cha mẹ ruột của ông A tại đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng không sống chung từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Tuấn K - Sinh ngày 09.10.2014. Khi ly hôn bà N yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, trong quỏ trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Tuấn A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A thống nhất với lời trình bày của bà N về thời điểm và nơi đăng ký kết hôn, nơi chung sống sau khi kết hôn. Vợ chồng không sống chung từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay do tính tình không hợp. Nay, bà N làm đơn xin ly hôn, ông A không đồng ý ly hôn vì ông A chỉ muốn ly thân với bà N như trong thời gian qua, còn vấn đề ly hôn là do những người theo đạo Thiên chúa giáo không được phép ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K - Sinh ngày 09.10.2014. Khi ly hôn ông A đồng ý giao con chung cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng và ông A đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Trần Thị Thục N đối với ông Nguyễn Tuấn A.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Thục N được ly hôn đối với ông Nguyễn Tuấn A.

* *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Tuấn K - Sinh ngày 09.10.2014 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tuấn A vắng mặt tuy nhiên trong quá trình giải quyết ông A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Tuấn A.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Trần Thị Thục N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với bị đơn là ông Nguyễn Tuấn A. Về con chung bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung tên Nguyễn Tuấn K - Sinh ngày 09.10.2014, yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về Tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thục N đối với ông Nguyễn Tuấn A, HĐXX thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thục N và ông Nguyễn Tuấn A tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của bà N thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn nên năm 2016 bà N đã làm đơn ly hôn và nộp tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu nhưng sau đó bà đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy Nên từ đó đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông A cờ bạc cá độ, gây ra nợ nần nhiều lần bà phải đứng ra để trả nợ thay cho ông A nhưng ông A vẫn không khắc phục vẫn tiếp tục cá độ gây ra nợ nần, ông A không có

trách nhiệm với gia đình và vợ con. Mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình một mình bà N gánh vác. Do mâu thuẫn nên vợ chồng không sống chung từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay, không có sự quan tâm qua lại. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A.

Ông A cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn. Chính vì mâu thuẫn nên vợ chồng đó không sống chung từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay do tính tình không hợp. Nay, bà N làm đơn xin ly hôn, ông A không đồng ý ly hôn vì ông A chỉ muốn ly thân với bà N như trong thời gian qua, còn vấn đề ly hôn ông không được phép đồng ý ly hôn là do những người theo đạo Thiên chúa giáo không được phép ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N HĐXX thấy: Căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các bên đương sự thể hiện vợ chồng ông bà đó mâu thuẫn từ năm 2016 và vợ chồng không sống chung từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông A là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K - Sinh ngày 09.10.2014. Tại phiên tòa ông A vắng mặt nhưng căn cứ vào lời khai của ông A có tại hồ sơ vụ án thì ông A đồng ý đề nghị của bà N, giao con chung cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà N giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn K - Sinh ngày 09.10.2014, ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án là: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Trần Thị Thục N đối với ông Nguyễn Tuấn A; Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thục N được ly hôn đối với ông Nguyễn Tuấn A; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn K - Sinh ngày 09.10.2014 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[2.4] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Thị Thục N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Nguyễn Tuấn A phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.
- Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Trần Thị Thục N đối với ông Nguyễn Tuấn A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thục N được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A.

1.2. Về con chung: Giao một con chung tên Nguyễn Tuấn K - Sinh ngày 09.10.2014 cho bà Trần Thị Thục N được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tuấn K mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian thực hiện kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi)

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung*:* Bà N và ông A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị Thục N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Thục N đã nộp tại biên lai thu số 009314 ngày 27.4.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Thục N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2.2 Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Nguyễn Tuấn A phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn khỏng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKS Hải Châu*
- *Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu.*
- *UBND phường B Q. H, Tp Đà Nẵng*
-*Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Thuỳ